

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Thắng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện VKSND huyện CưM'gar tham gia phiên Tòa: Bà Trần Thị Ngọc O - Kiểm sát viên

Ngày 19/03/2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2024/HSST ngày 03 tháng 03 năm 2025. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 03 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hồ Viết P. Tên gọi khác: Không;

Sinh năm 1972 tại tỉnh Quảng Nam;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ T (đã chết) và con bà Trần Thị T1, sinh năm 1938; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1977. Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/12/2024 đến ngày 25/12/2024. Hiện bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lã Ngọc T2. Tên gọi khác: Lã Văn T3;

Sinh năm: 1968 tại tỉnh Nam Định;

Nơi ĐKKHKT: tổ dân phố C, TT Cồn, huyện H, tỉnh Nam Định

Nơi ở hiện nay: thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lã Ngọc Q (đã chết) và con bà Bùi Thị M (đã chết); Bị cáo có vợ là Vũ Thị Thanh H1, sinh năm 1971; Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 19/10/2004, Lã Ngọc T2 bị Tòa án nhân dân Tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, tuyên phạt 42 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, với tên

Lã Văn T3 tại bản án số 897, chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Đ, đến ngày 31/10/2006 chấp hành xong hình phạt tù. Đã được xoá án tích.;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/12/2024 đến ngày 25/12/2024. Hiện bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

3. Họ và tên: Phan Văn T4. Tên gọi khác: không

Sinh năm: 1969 tại tỉnh Hà Tĩnh;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn Đ (đã chết) và con bà Đặng Thị N (đã chết); Bị cáo có vợ là Trần Thị Hồng N1, sinh năm 1976; Bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/12/2024 đến ngày 25/12/2024. Hiện bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

4. Họ và tên: Thân Văn V. Tên gọi khác: không

Sinh năm: 1979 tại tỉnh Hà Tĩnh;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thân Văn T5, sinh năm 1938 và con bà Nguyễn Thị T6 (đã chết); Bị cáo có vợ là Hoàng Thị H2, sinh năm 1986; Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/12/2024 đến ngày 25/12/2024. Hiện bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

5. Họ và tên: Nguyễn Văn Q1. Tên gọi khác: không

Sinh năm: 1970 tại tỉnh Hưng Yên;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và con bà Bùi Thị N2 (đã chết); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/12/2024 đến ngày 25/12/2024. Hiện bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

6. Họ và tên: Lê Văn N3. Tên gọi khác: không

Sinh năm: 1971 tại tỉnh Hà Tĩnh;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H3 (đã chết) và con bà Thân Thị H4, sinh năm 1930; Bị cáo có vợ là Đặng Thị T7, sinh năm 1976; Bị cáo có 05 người con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/12/2024 đến ngày 25/12/2024. Hiện bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

7. Họ và tên: **Phạm Hữu T8**. Tên gọi khác: không

Sinh năm: 1979 tại tỉnh Quảng Nam;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Tiến L1, sinh năm 1952 và con bà Nguyễn Thị N4 (đã chết); Bị cáo có vợ là Lê Thị H5, sinh năm 1988; Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/12/2024 đến ngày 25/12/2024. Hiện bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

8. Họ và tên: **Nguyễn Trí Đ1**. Tên gọi khác: không

Sinh năm: 1974 tại tỉnh Hà Tĩnh;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trí Á, sinh năm 1945 và con bà Nguyễn Thị C1 (đã chết); Bị cáo có vợ là Thái Thị V1, sinh năm 1974; Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/12/2024 đến ngày 25/12/2024. Hiện bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

9. Họ và tên: **Nguyễn Quốc C2**. Tên gọi khác: không

Sinh năm: 1979 tại tỉnh Thanh Hoá;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quốc H6 (đã chết) và con bà Lê Thị C3, sinh năm 1950; Bị cáo có vợ là Phạm Thị D, sinh năm 1980; Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/12/2024 đến ngày 25/12/2024. Hiện bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

10. Họ và tên: **Phạm Văn C4**. Tên gọi khác: không

Sinh năm: 1958 tại tỉnh Nam Định;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn M1 (đã chết) và con bà Vũ Thị C5 (đã chết); Bị cáo có vợ là Đào Thị S, sinh năm 1962; Bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/12/2024 đến ngày 25/12/2024. Hiện bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

11. Họ và tên: **Phạm Ngọc V2**. Tên gọi khác: không

Sinh năm: 1975 tại tỉnh Thanh Hoá;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Ngọc H7 (đã chết) và con bà Lê Thị Q2, sinh năm 1944; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L2, sinh năm 1978; Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/12/2024 đến ngày 25/12/2024. Hiện bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 21/12/2024, Hồ Viết P, Lã Ngọc T2, Thân Văn V, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Phạm Văn C4, Phạm Ngọc V2 và Lê Văn N3 gặp nhau khi đi dự đám cưới ở thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, sau khi tham dự đám cưới, cả nhóm rủ nhau đi bộ qua nhà rẫy của Nguyễn Văn Q1 thuộc thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk tiếp tục ăn nhậu. Khoảng 20 giờ cùng ngày, sau khi ăn nhậu xong, cả nhóm cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh bài Liêng sát phạt, thắng thua bằng tiền thì tất cả đều đồng ý.

Cách thức đánh bạc cụ thể như sau: Các đối tượng sử dụng 01 (một) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài. Khi bắt đầu ván bài mỗi người chơi đặt số tiền 10.000đ (Mười ngàn đồng) xuống chiếu bạc để làm tiền sắn (tiền tẩy), Thân Văn V là người chia bài đầu tiên, sau đó ai thắng cược là người chia bài tiếp theo. Bắt đầu ván bài, mỗi người được chia 03 quân bài, sau khi xem bài xong, người chơi có quyền úp bài (không tiếp tục tham gia ván bài) hoặc theo (là bỏ vào số tiền mà người chơi trước đã cá cược) hoặc tố (là bỏ tiền vào bằng với số tiền người trước đã cá cược và bỏ thêm tiền vào để tố thêm). Trong đó, những người chơi cùng cược theo thì cùng lật bài để xem bài, người nào có bài cao hơn là người thắng cược, người nào tố (cược thêm tiền) mà không có ai theo là người thắng cược. Trong mỗi ván bài, số tiền đặt cược thấp nhất là 10.000đ gọi là tiền đặt “Tẩy”, số tiền của mỗi vòng cá cược không quá 50.000đ và cá cược được nhiều vòng cho đến khi kết thúc ván bài. Các bộ bài khi chơi Liêng được tính từ lớn đến bé như sau: “Sáp” (thường gọi là S1) là bộ 03 lá bài giống nhau; “Liêng” là 03 lá bài liên tiếp nhau; “Ảnh” (thường gọi là Ba tiên) là khi 03 quân bài là J, Q, K; “Điểm” là khi bài của mỗi người chơi không có S2, L3, Ảnh thì bắt đầu tính điểm theo thứ tự từ 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2, 1, 0 trong đó: Các quân 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 được tính điểm tương ứng số trên lá bài; quân “A” (thường gọi Át) được tính 01 điểm, các quân 10, J, Q, K đều được tính 0 điểm; nếu cùng điểm sẽ tính chất “Cỏ” “Rô” “Chuồn” “Bích”.

Khi tham gia đánh bạc, Hồ Viết P sử dụng số tiền 800.000đ để đánh bạc, Lã Ngọc T2 sử dụng số tiền 730.000đ để đánh bạc, Thân Văn V sử dụng số tiền 740.000đ để đánh bạc, Phan Văn T4 sử dụng số tiền để đánh bạc là 800.000đ, Nguyễn Văn Q1 sử dụng số tiền để đánh bạc là 710.000đ, Lê Văn N3 sử dụng số tiền để đánh bạc là 850.000đ, Phạm Hữu T8 sử dụng số tiền để đánh bạc là 950.000đ, Nguyễn Trí Đ1 sử dụng số tiền để đánh bạc là 900.000đ, Nguyễn Quốc C2 sử dụng

số tiền để đánh bạc là 900.000đ, Phạm Văn C4 sử dụng số tiền để đánh bạc là 1.100.000đ, Phạm Ngọc V2 sử dụng số tiền để đánh bạc là 1.150.000đ.

Khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, khi cả nhóm đang đánh bạc thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang, thu giữ số tiền sử dụng để đánh bạc trên chiếu bạc là **9.630.000đ** và một số công cụ phục vụ cho việc đánh bạc.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 02/QĐ-VKS ngày 28/02/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar đã truy tố các bị cáo Hồ Viết Phúc, Lã Ngọc Tài, Thân Văn Việt, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Phạm Văn C4, Phạm Ngọc V2, Lê Văn N3 về tội “đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Hồ Viết P, Lã Ngọc T2, Thân Văn V, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Phạm Văn C4, Phạm Ngọc V2, Lê Văn N3 đã khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo; đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hồ Viết P, Lã Ngọc T2, Thân Văn V, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Phạm Văn C4, Phạm Ngọc V2, Lê Văn N3 tội “đánh bạc”

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lã Ngọc T2 (Lã Văn T3) từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C4 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc V2 từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Thân Văn V, Nguyễn Trí Đ1 từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Viết P, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Quốc C2, Lê Văn N3 từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Đối với số tiền **9.630.000đ** là số tiền thu giữ trên chiếu bạc mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước;

Đối với 01 (một) bộ bài Tú lơ khơ gồm 52 lá bài; 01 (một) chiếc chiếu chất liệu bằng cói, màu V3 - Đỏ - Xanh, kích thước (150x190)cm, là tài sản của Nguyễn Văn Q1 sử dụng để phục vụ việc đánh bạc, các đồ vật, công cụ không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với địa điểm các bị cáo sử dụng để đánh bạc là căn nhà rẫy, trên thửa đất số: 52, tờ bản đồ số: 45, diện tích 8800m² có địa chỉ tại xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bị cáo Nguyễn Văn Q1. Sau khi các bị cáo cùng nhau ăn nhậu thì rủ nhau đánh bạc, đây không phải công cụ, phương tiện sử dụng vào việc đánh bạc nên không xem xét, xử lý

Các bị cáo không có ý kiến đòi đáp trả tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ trong vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Mgar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Hồ Viết P, Lã Ngọc T2, Thân Văn V, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Phạm Văn C4, Phạm Ngọc V2, Lê Văn N3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Mgar đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 21/12/2024, tại căn nhà rẫy của Nguyễn Văn Q1 thuộc thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Các bị cáo Hồ Viết P, Lã Ngọc T2, Thân Văn V, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Phạm Văn C4, Phạm Ngọc V2, Lê Văn N3 cùng nhau đánh bạc được thua bằng tiền với số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 9.630.000 đồng thì bị phát hiện, xử lý. Hành vi trên của các bị cáo Hồ Viết P, Lã Ngọc T2, Thân Văn V, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Phạm Văn C4, Phạm Ngọc V2, Lê Văn N3 phạm vào tội “đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu nhiều mặt tới cuộc sống bình thường của gia đình các bị cáo, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã gây ra.

Các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức. Các bị cáo đều biết được rằng hành vi đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật là vi phạm pháp luật, là tệ nạn xã hội mà Nhà nước nghiêm cấm. Song do ý thức coi thường pháp luật, thói tham lam tư lợi, muốn kiếm tiền bằng con đường bất chính nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Trong vụ án này các bị cáo tham gia với tính chất, mức độ khác nhau, do đó cần phân tích, đánh giá và nhân thân của từng bị cáo để phân hóa áp dụng mức hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp.

Đối với bị cáo Lã Ngọc T2: Ngày 19/10/2004, Lã Ngọc T2 bị Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm, tuyên phạt 42 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, với tên Lã Văn T3 tại bản án số 897, chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Đ, đến ngày 31/10/2006 chấp hành xong hình phạt tù. Đã được xóa án tích. Bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội, ngày 21/12/2024 bị cáo mang theo số tiền 730.000đ để đánh bạc. Hành vi phạm tội của bị cáo được quy định tại được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này bị cáo Lã Ngọc T2 có nhân thân xấu nên bị cáo Lã Ngọc T2 phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo khác.

Đối với bị cáo Phạm Văn C4 và bị cáo Phạm Ngọc V2: Ngày 21/12/2024 bị cáo Phạm Văn C4 mang theo số tiền 1.100.000đ để đánh bạc, bị cáo Phạm Ngọc V2 mang theo số tiền 1.150.000đ để đánh bạc. Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn C4 và bị cáo Phạm Ngọc V2 được quy định tại được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. bị cáo Phạm Văn C4 và bị cáo Phạm Ngọc V2 mang theo số tiền cao hơn các bị cáo khác để đánh bạc nên bị cáo Phạm Văn C4 và bị cáo Phạm Ngọc V2 phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo Hồ Viết P, Thân Văn V, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Lê Văn N3: Ngày 01/12/2023 bị cáo Hồ Viết P, Thân Văn V, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Lê Văn N3 mang theo số tiền từ 710.000đ đến 950.000đ đồng để tham gia đánh bạc. Hành vi phạm tội của bị cáo Hồ Viết P, Thân Văn V, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Lê Văn N3 được quy định tại được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Hồ Viết P, Lã Ngọc T2, Thân Văn V, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Phạm Văn C4, Phạm Ngọc V2, Lê Văn N3 không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo Hồ Viết P, Lã Ngọc T2, Thân Văn V, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Phạm Văn C4, Phạm Ngọc V2, Lê Văn N3 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoảng 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Hồ Viết P, Thân Văn V, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Phạm Văn C4, Phạm Ngọc V2, Lê Văn N3 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoảng 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lã Ngọc T2 tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự, đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và có cha ruột là ông Lã Ngọc Q là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (Được tặng 02 Huân chương kháng chiến Hạng nhất, Hạng ba). Bị cáo Nguyễn Trí Đ1 có cha ruột là ông Nguyễn Trí Á là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (Được tặng danh hiệu Anh hùng). Bị cáo Phạm Ngọc V2 có cha ruột là ông Phạm Ngọc H7 là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (Được tặng Huân chương kháng chiến Hạng nhất), bị cáo Thân Văn V bị bệnh hiểm nghèo (ghép thận). Do đó, các bị cáo Lã Ngọc T2, Thân Văn V, Nguyễn Trí Đ1, Phạm Ngọc V2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoảng 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Hồ Viết P, Lã Ngọc T2, Thân Văn V, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Phạm Văn C4, Phạm Ngọc V2, Lê Văn N3 là những người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện để các bị cáo cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ sức răn đe đối với các bị cáo.

[4] Đối với địa điểm các bị cáo sử dụng để đánh bạc là căn nhà rẫy, trên thửa đất số: 52, tờ bản đồ số: 45, diện tích 8800m² có địa chỉ tại xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bị cáo Nguyễn Văn Q1. Sau khi các bị cáo cùng nhau ăn nhậu thì rủ nhau đánh bạc, đây không phải công cụ, phương tiện sử dụng vào việc đánh bạc nên không xem xét, xử lý

[5] Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Đối với số tiền **9.630.000**đồng là số tiền thu giữ trên chiếu bạc mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài Tú lơ khơ gồm 52 lá bài; 01 (một) chiếc chiếu chất liệu bằng cối, màu V3 - Đỏ - Xanh, kích thước (150x190)cm, là tài sản của Nguyễn Văn Q1 sử dụng để phục vụ việc đánh bạc, các đồ vật, công cụ không còn giá trị sử dụng.

[6] Về án phí:

Bị cáo Thân Văn V là thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn giảm án phí nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Hồ Viết P, Lã Ngọc T2, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Phạm Văn C4, Phạm Ngọc V2, Lê Văn N3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hồ Viết P, Lã Ngọc T2 (Lã Văn T3), Thân Văn V, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Phạm Văn C4, Phạm Ngọc V2, Lê Văn N3 phạm tội “đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1,2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lã Ngọc T2 (Lã Văn T3) **15** (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **30** (ba mươi) tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C4 **12** (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **24** (hai mươi bốn) tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Viết P, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Quốc C2, Lê Văn N3 **09** (chín) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **18** (mười tám) tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc V2 **09** (chín) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **18** (mười tám) tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Thân Văn V, Nguyễn Trí Đ1 **06** (sáu) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **12** (mười hai) tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Hồ Viết P, Lã Ngọc T2 (Lã Văn T3) Thân Văn V, Phan Văn T4, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Phạm Văn C4, Phạm Ngọc V2, Lê Văn N3 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng vào khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Đối với số tiền **9.630.000** đồng là số tiền thu giữ trên chiếu bạc mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài Tú lơ khơ gồm 52 lá bài; 01 (một) chiếc chiếu chất liệu bằng cối, màu V3 - Đỏ - Xanh, kích thước (150x190)cm, là tài sản của

Nguyễn Văn Q1 sử dụng để phục vụ việc đánh bạc, các đồ vật, công cụ không còn giá trị sử dụng.

(Hiện vật chứng đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Mgar theo biên bản giao nhận ngày 25/02/2024)

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Thân Văn V là người thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn giảm án phí nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Hồ Viết P, Lã Ngọc T2, Phan Văn T4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu T8, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Quốc C2, Phạm Văn C4, Phạm Ngọc V2, Lê Văn N3 mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Ngọc Thắng

